

Số: 23/QĐ-MNSINS

Na Sang, ngày 09 tháng 09 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON NA SANG

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT – BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ trường Mầm non;

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT- BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét yêu cầu công tác và năng lực chuyên môn của CBGV, NV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra trong trường Mầm non số 1 Na Sang năm học 2025-2026, gồm có các ông bà có tên sau:

(Có danh sách đính kèm)

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra có nhiệm vụ: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra trong nhà trường. Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở CBGV, NV cùng nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra trong nhà trường năm học 2024-2025.

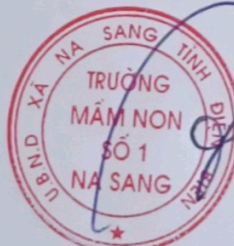
Điều 3. Các Ông (Bà) có tên tại điều 1 và các bộ phận, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Điền Thanh Hương

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN 3 CÔNG KHAI, 4 KIỂM TRA
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG
(Kèm theo Quyết định số 23 /QĐ-MNSINS ngày 09 tháng 09 năm 2025)

Stt	Họ và tên	Chức vụ công tác	Nhiệm vụ phân công
1	Đieu Thanh Hương	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Lò Thị Hòa	Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3	Đỗ Thị Vân	TT-Tổ văn phòng	Phó ban
4	Hoàng Thị Tính	TTCM Mẫu giáo	Thành viên
5	Thái Thị Vui	TTCM Nhà trẻ	Thành viên
6	Đỗ Thị Vân	TT tổ văn phòng	Thành viên
7	Lò Thị Hà	Bí thư đoàn TN	Thành viên

(Ban chỉ đạo gồm 7 thành viên.)

Nhiệm vụ
phân công

Trưởng ban

Phó ban

Phó ban

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

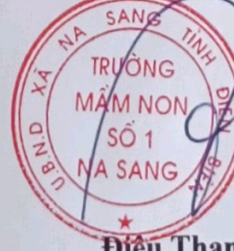
UBND XÃ NA SANG
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025 - 2026

Stt	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Bình thường: $121/129 = 94\%$ - Suy dinh dưỡng: $8/129 = 6\%$	- Bình thường: $220/234 = 94\%$ - Suy dinh dưỡng: $14/234 = 6\%$
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non	Chương trình giáo dục mầm non
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Phát triển thể chất: $121/129$ đạt 94% - Phát triển nhận thức: $123/129$ đạt $95,3\%$ - Phát triển ngôn ngữ: $121/129$ đạt 94% - Phát triển tình cảm- kĩ năng xã hội: $121/129$ đạt 94%	- Phát triển thể chất: : $220/234$ đạt 94% - Phát triển nhận thức: $223/234$ đạt $95,3\%$ - Phát triển ngôn ngữ: $223/234$ đạt $95,3\%$ - Phát triển tình cảm - kĩ năng xã hội: $223/234$ đạt $95,3\%$ - Phát triển thẩm mỹ: $223/234$ đạt $95,3\%$
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Tổng số phòng học: 6 Loại phòng: - Phòng học kiên cố: 01 - Bán kiên cố: 05 - Phòng học tạm: 0 - Bàn ghế đúng quy cách: 62 bộ - Đồ chơi ngoài trời: 6 bộ	Tổng số phòng học: 10 Loại phòng: - Phòng học kiên cố: 7 - Bán kiên cố: 3 - Phòng học tạm: 0 - Bàn ghế đúng quy cách: 126 bộ - Đồ chơi ngoài trời: 10 bộ

Na Sang, ngày 9 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Điền Thanh Hương

UBND XÃ NA SANG
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2025- 2026
Đơn vị tính: Trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	24-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	363	0	53	76	72	84	78
1	Số trẻ em nhóm ghép	363	0	53	76	72	84	78
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	363	0	53	76	72	84	78
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tô chức ăn tại cơ sở	363	0	53	76	72	84	78
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	363	0	53	76	72	84	78
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	363	0	53	76	72	84	78
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	363	0	53	76	72	84	78
1	Số Trẻ cân nặng bình thường	358	0	43	74	72	74	78
2	Số Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	21	0	2	5	6	5	3
3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	21	0	2	5	6	5	3
4	Số trẻ thừa cân béo phì	0	0	0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	363	0	53	76	72	84	78
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	129	0	53	76	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	234	0	0	0	72	84	78

Na Sang, ngày 9 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Điền Thanh Hương

UBND XÃ NA SANG
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	16	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	8	-
2	Phòng học bán kiên cố	8	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò	0	-
III	Số điểm trường	6	2025-2026
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.627,9 m ²	Bình quân
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.362m2	Số m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	55m2	7,4m2/ 1trẻ
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	45m2	1,2m2/1 trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	8m2	0,37m2/trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	21m2	0,086m2/trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60m2	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	60m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	16	16/16
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	2	2/16
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	Số bộ/sân chơi (trường)

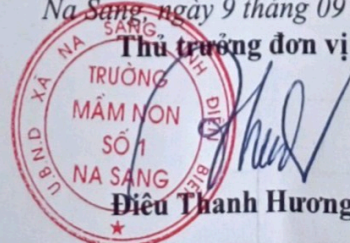
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	1	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	5	5/16 lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	7	7/16 lớp
3	Máy photo	1	0/15 lớp
4	Catsset	0	
5	Đầu Video/đầu đĩa	5	5/16 Lớp
6	Đồ chơi ngoài trời	4	4/16 Lớp
7	Bàn ghế đúng quy cách	10 bộ	10/16 Lớp
8	Thiết bị khác...	330 bộ	16/16 Lớp

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	6	0	0,40	0
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Nà Sàng, ngày 9 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Điền Thanh Hương

UBND XÃ NA SANG
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 1 NA SANG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35	0	1	30	1	1	2	0	27	4	29	3	0	0
I	Giáo viên	29	0	0	28	1	0	0	0	27	2	29	3	0	0
1	Nhà trẻ	11	0	0	10	1	0	0	2	4	2	9	2	0	0
2	Mẫu giáo	18	0	0	18	0	0	0	4	14	0	17	1	0	0
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0	0	0	0	0	2	2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	0		1	1	0	0	0
III	Nhân viên	4	0	0	1	1	0	2	0	2	0	2	2	0	0
1	Nhân viên văn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0
5	Nhân viên khác	2	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	2	0	0

Na Sang, ngày 9 tháng 09 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Điều Thanh Hương